

Số: /2021/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về phương thức hỗ trợ chênh lệch lãi suất và hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp theo Nghị quyết số 87/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;*

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Căn cứ Thông tư 04/2018/TT-BKHĐT ngày 6 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 tháng 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Căn cứ Nghị quyết số 87/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ vào ý kiến của các thành viên UBND tỉnh tại phiếu trình xin ý kiến số 439/VP-NN2 ngày 27/10/2020;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại tờ trình số 699/TTr-STC ngày 26/10/2020 về việc ban hành Quyết định của UBND tỉnh; công văn số 669/STC-QLNS ngày 07/4/2021 về việc giải trình, tiếp thu các ý kiến tham gia của thành viên UBND tỉnh và Kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp tại báo cáo số 214/BC-STP ngày 15/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về phương thức hỗ trợ chênh lệch lãi suất và hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ nêu tại điểm d, khoản 3, Điều 1 của Nghị quyết số 87/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025.

2. Đối tượng áp dụng: Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết số 87/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025.

Điều 2. Mức hỗ trợ, hạn mức vay vốn được hỗ trợ và thời gian hỗ trợ chênh lệch lãi suất.

Theo quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 87/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Phương thức hỗ trợ lãi suất.

Ngân sách tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp khoản chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ theo năm và được cấp hỗ trợ 01 lần/năm theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với tổ chức tín dụng trên cơ sở hợp đồng đã ký cho đến khi hết thời gian được hỗ trợ.

Điều 4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị hỗ trợ chênh lệch lãi suất của Doanh nghiệp.
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Bản sao Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của doanh nghiệp.
- Biên bản nghiệm thu sau khi dự án hoàn thành của cơ quan có thẩm quyền.
- Bản sao có chứng thực hợp đồng vay vốn của doanh nghiệp với tổ chức tín dụng.
- Bảng kê dư nợ vay, lãi vay phải trả và chứng từ hoặc các giấy tờ tương đương có xác nhận của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp vay vốn để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, khoản nợ trong hạn và sử dụng vốn vay đúng mục đích để làm cơ sở cho việc xác định kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp.

Điều 5. Trình tự, thủ tục hỗ trợ.

1. Doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Điều 4 Quyết định này đến Sở Kế hoạch và đầu tư (thông qua Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc).

2. Căn cứ vào hồ sơ của Doanh nghiệp nộp, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và đầu tư kiểm tra, rà soát hồ sơ, nếu thấy hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ, không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, Sở Kế hoạch và đầu tư thông báo cho doanh nghiệp. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của Doanh nghiệp, Sở kế hoạch và đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ chênh lệch lãi suất, số tiền hỗ trợ chênh lệch lãi suất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt số tiền hỗ trợ chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Sở Kế hoạch và đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ra quyết định về việc hỗ trợ chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Trong trường hợp doanh nghiệp chưa có mã số đơn vị quan hệ với ngân sách, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị mở mã số đơn vị quan hệ với ngân sách đến Sở Tài chính (thông quan Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc).

5. Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ chênh lệch lãi suất cho doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị cấp kinh phí cung cấp các thông tin gồm: mã số đơn vị quan hệ ngân sách, số tài khoản của doanh nghiệp cho Sở Tài chính. Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp, Sở Tài chính lập Lịch chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh.

6. Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Lịch chi tiền của Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh thực hiện chuyển khoản vào tài khoản cho doanh nghiệp. Trường hợp Lịch chi tiền có sai sót thì chậm nhất trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Lịch chi tiền, Kho bạc nhà nước tỉnh phải thông báo cho Sở Tài chính biết để xử lý.

Điều 6. Tổ chức thực hiện.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2021.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư để đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- Đài PTTH tỉnh, Báo VP, Cổng TTGTĐT tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- CV NCTH VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT./.

(.....b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khước

